

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2020/KDTM - PT
Ngày: 12/ 9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Thành
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 8,12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 169/2020/KTPT ngày 15/6/2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2020/QĐ-PT ngày 20/8/2020 và Quyết định ngưng phiên tòa **số 480 /2020/QĐ-PT ngày 27 /8/2020; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số 286/2020/TB-TA ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, ông Phan Văn N
(Có mặt ông Diễn)

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần B.

Trụ sở: Khu chợ Vân Trì, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Mỹ C – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại N

(Có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Đoàn Hà A.

Địa chỉ: xóm Thố, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Khu chợ Vân Trì, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại N. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A do người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017. Cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016: Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bia và nước giải khát các loại. Lãi suất cho vay trong hạn: Mỗi lần vay vốn, Ngân hàng A sẽ thông báo cho Công ty B về mức lãi suất, phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với khoản vay đó và ghi nhận cụ thể trong Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Đối với các Khế ước nhận nợ có quy định việc điều chỉnh lãi suất định kỳ, thì sau khi chuyển quá hạn, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh lãi suất định kỳ theo quy định trong Khế ước nhận nợ, sau đó mới nhân (x) với 150% để xác định mức lãi suất quá hạn. Phạt chậm trả: Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn /30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm). Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số: 191216-2798622-01-SME ngày 19/12/2016: Số tiền nhận nợ: 176.120.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 19/12/2016 đến ngày 19/12/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 15,5%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 270217-2798622-01-SME ngày 27/02/2017: Số tiền nhận nợ: 707.100.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/02/2018; lãi suất cho vay trong hạn: 15,9%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 170317-2798622-01-SME ngày 17/03/2017: Số tiền nhận nợ: 206.700.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay;

- Khế ước nhận nợ số: 270317-2798622-01-SME ngày 27/03/2017: Số tiền nhận nợ: 58.925.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay

- Khế ước nhận nợ số: 100417-2798622-01-SME ngày 10/04/2017: Số tiền nhận nợ: 176.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay.

Lãi suất cho vay trong hạn của ba khế ước trên là: 15,8%/năm. Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

- Khế ước nhận nợ số: 260417-2798622-01-SME ngày 26/04/2017: Số tiền nhận nợ: 111.836.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 15,7%/năm.

Mức lãi suất của các khế ước trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 8,3%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 080517-2798622-01-SME ngày 09/05/2017: Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay ; lãi suất cho vay trong hạn: 16,7%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 100517-2798622-01-SME ngày 10/05/2017: Số tiền nhận nợ: 437.620.577 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 16,7%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 110517-2798622-01-SME ngày 11/05/2017: Số tiền nhận nợ: 148.099.423 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 16,7%/năm.

Mức lãi suất của các khế ước trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 9,3%/năm.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017: Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát; lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: được nguyên đơn và Bị đơn thỏa thuận theo cung cấp vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bị đơn và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Nguyên đơn và Bị đơn; lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số: 260617-2798622-01-SME ngày 27/06/2017: Số tiền nhận nợ: 244.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 16,7%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 140717-2798622-01-SME ngày 14/07/2017: Số tiền nhận nợ: 68.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 18,2%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 250717-2798622-01-SME ngày 25/07/2017: Số tiền nhận nợ: 108.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 18,2%/năm.

- *Khế ước nhận nợ số: 100817-2798622-01-SME ngày 10/08/2017:* Số tiền nhận nợ: 73.183.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 18,1%/năm.

Mức lãi suất của các khế ước trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 11%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 290817-2798622-01-SME ngày 29/08/2017: Số tiền nhận nợ: 123.071.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 17,1%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội

sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 140917-2798622-01-SME ngày 14/09/2017: Số tiền nhận nợ: 125.300.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 17,6%/năm.

- Khế ước nhận nợ số: 151117-2798622-01-SME ngày 15/11/2017: Số tiền nhận nợ: 132.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng A giải ngân số tiền cho vay; lãi suất cho vay trong hạn: 17,2%/năm.

Mức lãi suất của các khế ước trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng A do Hội sở chính của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 12 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng (+) biên độ 10.5 %/năm.

Ngoài 16 khế ước nhận nợ trên nguyên đơn còn giải ngân cho bị đơn 06 lần khác theo các khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số 170516-2798622-01-SME ngày 17/5/2016; Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/5/2016 đến ngày 17/5/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 17.0%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,9%/năm. Lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng A xác định từng thời kỳ.

Khế ước nhận nợ số 140916-2798622-01-SME ngày 14/9/2016; Số tiền nhận nợ: 334.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 14/9/2016 đến ngày 14/9/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 16%/năm.

Khế ước nhận nợ số 111016-2798622-01-SME ngày 11/10/2016; Số tiền nhận nợ: 611.380.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 11/10/2016 đến ngày 11/10/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 16.%/năm.

Khế ước nhận nợ số 091116-2798622-01-SME ngày 09/11/2016; Số tiền nhận nợ: 162.400.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 09/11/2016 đến ngày 09/11/2017; Lãi suất cho vay trong hạn: 15,5%/năm.

Mức lãi suất này của ba khế ước trên sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,4%/năm. Lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng A xác định từng thời kỳ.

Khế ước nhận nợ số 100117-2798622-01-SME ngày 10/01/2017; Số tiền nhận nợ: 190.400.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 10/01/2017 đến ngày 10/01/2018; Lãi suất cho vay trong hạn: 16%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều

chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/02/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,3%/năm. Lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của Ngân hàng A xác định từng thời kỳ.

Khế ước nhận nợ số 290917-2798622-01-SME ngày 29/9/2017; Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 01 tháng, từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân số tiền cho vay. Lãi suất cho vay trong hạn: 16,7%/năm.

Nguyên đơn giải ngân cho bị đơn theo 22 khế ước nhận nợ trên, với tổng số tiền giải ngân là 5.544.135.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã tất toán với nguyên đơn 06 khế ước nhận nợ, nên nguyên đơn chỉ khởi kiện đối với 16 khế ước nhận nợ mà bị đơn chưa tất toán.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Để bảo đảm cho khoản vay, nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 160916-2798622-01-SME/TC ngày 14/12/2016, tài sản thế chấp là 02 chiếc xe ô tô cụ thể như sau: 01 xe Hyundai tải nhỏ, Biển kiểm soát 30U-1803, số khung: 10390, số máy: 9034979 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 193598 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2009; 01 xe Hyundai tải thùng kín, Biển kiểm soát 30F-3607, số khung: 004877, số máy: 7483723 theo nhận đăng ký xe ô tô số 006679 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2017. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1234989510 ngày 21/12/2016 tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Ngoài ra, bà Đoàn Hà A (lúc đó là người đại diện theo pháp luật của bị đơn) còn ký các hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm cho các khoản vay của bị đơn. Cụ thể: Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, theo đó bà Đoàn Hà A đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty cổ phần B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty B với Ngân hàng A phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty B và Ngân hàng A bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả Nguyên đơn số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là: 1.516.110.043 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày bị đơn thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc bà Đoàn Hà A có nghĩa vụ trả nợ thay bị đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong trường hợp bị đơn và bà Đoàn Hà A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì đề nghị được xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 160916-2798622-01-SME/TC ngày 14/12/2016.

Nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Hà A và bị đơn để thu hồi khoản nợ vay.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Đoàn Hà A về việc hủy các Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017 vì việc ký kết các hợp đồng trên đều được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện của bị đơn - Công ty cổ phần B do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về thời gian và nội dung các bên đã ký kết các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 và các khế ước nhận nợ như nguyên đơn trình bày ở trên. Bị đơn xác nhận số tiền nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn là 5.544.135.000 đồng. Đối với quan điểm của nguyên đơn về việc bị đơn đã tất toán 06 khế ước nhận nợ, chưa tất toán 16 khế ước nhận nợ nguyên đơn đã khởi kiện và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý. Về biện pháp bảo đảm khoản vay, bị đơn nhất trí đối với 02 chiếc xe ô tô đã thế chấp như nguyên đơn khai còn biện pháp bảo đảm khác bị đơn không nắm rõ.

Bị đơn không nhất trí về số tiền nguyên đơn đang khởi kiện nhưng bị đơn cũng không xác định được bị đơn còn nợ nguyên đơn bao nhiêu tiền.

Bị đơn nhất trí với quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đoàn Hà A về việc yêu cầu hủy hợp đồng bảo lãnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Đoàn Hà A trình bày:

Nhất trí với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày về thời gian và nội dung mà các bên đã ký kết các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017.

Bà đề nghị hủy hợp đồng bảo lãnh bà đã ký với nguyên đơn để bị đơn vay tiền. Lý do yêu cầu hủy hợp đồng bảo lãnh vì bà đã bị cán bộ ngân hàng lừa dối. Khi lập hợp đồng bảo lãnh, cán bộ ngân hàng có ý kiến khi nào bị đơn thế chấp tài sản của bị đơn thì bà sẽ không còn phải bảo lãnh nữa. Sau này bị đơn đã thế chấp 02 ô tô của bị đơn nhưng ngân hàng vẫn không cho bà chấm dứt việc bảo lãnh.

Bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà có nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên nếu bị đơn không trả được. Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của bà để thu hồi khoản nợ vay của bị đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 17/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần B.

Buộc Công ty cổ phần B phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 12/02/2020 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017.

Số tiền cụ thể của từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016: Nợ gốc: 851.944.000 (Tám trăm năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng; nợ lãi: 472.792.597 (Bốn trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi bảy) đồng. Tổng: 1.324.736.597 (Một tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi bảy) đồng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017: Nợ gốc: 664.166.043 (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi ba) đồng; nợ lãi: 399.870.611 (Ba trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm mười một) đồng. Tổng: 1.064.036.654 (Một tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng.

Tổng cộng là: 2.388.773.251 (Hai tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi một) đồng.

Công ty cổ phần B tiếp tục phải trả lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-

01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 và các khế ước nhận nợ tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ghi nhận việc Ngân hàng thương mại cổ phần A rút yêu cầu đối với tiền lãi phạt 100.118.726 đồng.

2. Bác yêu cầu độc lập của bà Đoàn Hà A về việc hủy Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017.

3. Trường hợp Công ty cổ phần B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu kê biên phát mại các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Đoàn Hà A theo Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016.

Trường hợp Công ty cổ phần B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền:

- Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 160916-2798622-01-SME/TC ngày 14/12/2016: 01 xe Hyundai tải nhỏ, Biển kiểm soát 30U-1803, số khung: 10390, số máy: 9034979 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 193598 do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2009. 01 xe Hyundai tải thùng kín, Biển kiểm soát 30F-3607, số khung: 004877, số máy: 7483723 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006679 do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2017.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu kê biên phát mại các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Đoàn Hà A theo hợp đồng bảo lãnh số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017.

4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp và tài sản của bên bảo lãnh để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Công ty cổ phần B vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số

tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần B và bà Đoàn Hà A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 1 tháng một lần, tuy nhiên theo bảng tính lãi của nguyên đơn thể hiện nguyên đơn có điều chỉnh lãi suất nhưng mức lãi suất quá hạn mà nguyên đơn tính là quá cao, không phù hợp với quy định của Nghị định 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt và thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 sửa án sơ thẩm về phần lãi suất; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự xuất trình và Tòa án thu thập được. Căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần B và bà Đoàn Hà A làm trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 được nguyên đơn và bị đơn ký kết trên cơ sở tự nguyện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình giải quyết tại Tòa án các đương sự đều xác nhận quá trình thực hiện hợp đồng sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì Nguyên đơn đã giải ngân cho Bị đơn tổng số tiền là 5.544.135.000 đồng theo 22 khế ước nhận nợ trên. Bị đơn đã thanh toán trả cho Nguyên đơn một phần nợ gốc và nợ lãi. Tính đến ngày 12/2/2020 Bị đơn đã tất toán 6 khế ước nhận nợ, còn 16 Khế ước chưa thanh toán. Nguyên đơn cho rằng số tiền Bị đơn còn nợ gốc là 1.516.110.043 đồng. Bị đơn không xác nhận khoản nợ gốc này, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn không xuất trình được các chứng cứ chứng minh về việc Bị đơn không còn nợ Nguyên đơn khoản nợ gốc này. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này Bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.516.110.043 đồng. Trong đó: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 là: 851.944.000 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 là: 664.166.043 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về lãi suất: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện lãi suất áp dụng đối với khoản vay được các bên thỏa thuận trên 22 khế ước nhận nợ nêu trên, với mức lãi suất có điều chỉnh theo thời điểm nhận nợ cụ thể: Đối với Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 lãi suất là: 15,5%/năm; 15,9%/năm; 15,8%/năm; 15,7%/năm; 16,7%/năm. Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, cộng biên độ 8,3%/năm; 9,3%/năm; Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 lãi suất là: 16,7%/năm; 18,2%/năm; 18,1%/năm; 17,1%/năm; 17,6%/năm; 17,2%/năm. Mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, cộng biên độ 11% và 10,5%/năm.

+ Về lãi suất trong hạn: Nguyên đơn tính lãi suất kể từ thời điểm nhận nợ của các khế ước theo thỏa thuận và có điều chỉnh theo từng thời kỳ là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về lãi suất quá hạn: Nguyên đơn tính lãi suất quá hạn theo lãi suất thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ và có điều chỉnh. Tuy nhiên, việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn (có điều chỉnh) cụ thể với mức lãi suất quá hạn được tính từ 21% đến 27,90% /năm (bao gồm lãi suất thỏa thuận + biên độ x 150%) từ ngày khoản nợ quá hạn đến ngày 12/02/2020 với tổng số tiền lãi quá hạn là 851.433.515 đồng là quá cao và không đúng quy định của pháp luật, vì : Ngân hàng Nhà nước đã có quyết định điều chỉnh lãi suất, quy định về mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các khoản cho vay nhằm đáp ứng các nhu cầu vay vốn : Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện phương án, dự án sản xuất – kinh doanh hàng xuất khẩu; Phục vụ sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có sự thay đổi trong khi đó đại diện nguyên đơn xác nhận sau khi khoản nợ chuyển sang quá hạn thì nguyên đơn không có bất kỳ quyết định hay thông báo nào của Ngân hàng về việc điều chỉnh mức lãi suất theo từng thời kỳ phù hợp với lãi suất theo quy định của Nhà nước. Do vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào các quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định. Theo quy định tại Quyết định 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 145/QĐ- NHNN ngày 07/7/2017 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực ngành kinh tế quy định : Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 7%/năm xuống 6,5%/năm. Áp dụng mức lãi suất theo các văn bản này, qua tính toán của Tòa án cấp phúc thẩm thì bị đơn phải chịu số tiền lãi quá hạn của 16 khế ước nhận nợ còn lại là 386.093.832 đồng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất quá hạn mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán theo mức lãi suất từ 21% đến 27,90% /năm là quá cao và không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các quyết định về điều chỉnh lãi suất của ngân hàng Nhà nước như đã nêu ở trên để chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi quá hạn của nguyên đơn.

Do đó, bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền nợ lãi trong hạn là: 21.229.693 đồng và Nợ lãi quá hạn là: 386.093.832 đồng.

- Về tài sản đảm bảo: gồm 02 xe ô tô tải cụ thể: 01 xe Hyundai tải nhỏ, Biển kiểm soát 30U-1803, số khung: 10390, số máy: 9034979 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 193598 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2009 và 01 xe Hyundai tải thùng kín, Biển kiểm soát 30F-3607, số khung: 004877, số máy: 7483723 theo nhận đăng ký xe ô tô số

006679 do Phòng cảnh sát Giao thông công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2017. Theo hợp đồng thế chấp số 160916-2798622-01-SME/TC ngày 14/12/2016.

Tài sản đảm bảo đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1234989510 ngày 21/12/2016 tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

+ Nghĩa vụ bảo lãnh của bà Đoàn Hà A theo các hợp đồng bảo lãnh để bảo đảm cho các khoản vay của bị đơn. Theo các Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, bà Đoàn Hà A đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bị đơn trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Bị đơn đối với Nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa nguyên đơn và bị đơn bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Bà Đoàn Hà A kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Xét thấy tại thời điểm ký các hợp đồng bảo lãnh trên thì bà Đoàn Hà A là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay đại diện của bị đơn xác nhận việc bà Hà Anh ký hợp đồng bảo lãnh là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên các bên có thỏa thuận sau khi Công ty ký hợp đồng thế chấp 02 tài sản là 02 xe ô tô là để đảm bảo cho khoản vay của Bị đơn thì các bên sẽ hủy bỏ hợp đồng bảo lãnh giữa Nguyên đơn và bà Đoàn Hà A, nhưng sau khi ký hợp đồng thế chấp 02 xe ô tô nguyên đơn không hủy các hợp đồng bảo lãnh đối với bà Hà Anh. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay ông Ngọc không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu này và ông Ngọc cũng xác nhận kể từ ngày các bên ký hợp đồng thế chấp 02 xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn cho đến nay bà Hà Anh không có bất kỳ văn bản nào đề nghị ngân hàng hủy bỏ hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Hà A.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo lãnh nêu trên đều được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, các tài sản đều đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, các hợp đồng này có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trường hợp, bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền xử lý tài sản đảm bảo trên và yêu cầu bà Đoàn Hà A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để tất toán khoản nợ trên.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phạt là 100.118.726 đồng, nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này của Nguyên đơn là có thiếu sót, cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

+ **Về án phí sơ thẩm :** Công ty cổ phần B phải chịu 79.775.546 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bà Đoàn Hà A phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008438 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 19.304.691 đồng, được trừ vào 30.931.686 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001922 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 11.626.995 đồng.

+ **Về án phí phúc thẩm:** Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220 , 293 và khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302, 305, 342, 344, 351, 471, 476, 478, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2019/KDTM-ST ngày 07/01/2019 và ngày 12, 17 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần B.

Buộc Công ty cổ phần B phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/02/2020 theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016; Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017 tổng số tiền là: 2.002.679.419 đồng. Cụ thể:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016: Nợ gốc: 851.944.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.381.380 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 217.898.241 đồng. Tổng cộng là: 1.080.223.621 đồng.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017) ngày 26/06/2017: Nợ gốc: 664.166.043 đồng; nợ lãi trong hạn là: 10.848.313 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 168.195.591 đồng. Tổng cộng là: 843.209.947 đồng.

Kể từ ngày 13/2/2020 bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất 9,75%/năm đến ngày 17/2/2020, từ ngày 17/2/2020 chịu lãi suất quá hạn 8,25%/năm đến khi trả hết nợ gốc (trừ khi Ngân hàng Nhà nước có Quyết định thay đổi với mức lãi suất của Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020). Số nợ lãi thì không phải chịu lãi suất cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi phạt 100.118.726 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần A .

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đoàn Hà A về việc yêu cầu hủy Hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017.

4. Trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ: 01 xe Hyundai tải nhỏ, Biển kiểm soát 30U-1803, số khung: 10390, số máy: 9034979 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 193598 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/11/2009 và 01 xe Hyundai tải thùng kín, Biển kiểm soát 30F-3607, số khung: 004877, số máy: 7483723 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006679 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/10/2017. Theo hợp đồng thế chấp số 160916-2798622-01-SME/TC ngày 14/12/2016 để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Đoàn Hà A theo hợp đồng bảo lãnh số 060516-2798622-01-SME ngày 16/05/2016 và số 190617-2798622-01-SME ngày 26/06/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp và tài sản của bên bảo lãnh mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, thì Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ tổng hợp Đông Anh vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

5. Về án phí:

+ Án phí kinh doanh sơ thẩm:

- Công ty cổ phần B phải chịu 79.775.546 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bà Đoàn Hà A phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008438 ngày 24/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 19.304.691 đồng, được trừ vào 30.931.686 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001922 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 11.626.995 đồng.

+Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty cổ phần B 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015422 ngày 27/2/2020 của Chi cục thi hành án huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả bà Đoàn Hà A 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015421 ngày 27/2/2020 của Chi cục thi hành án huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh Hoàng Ngọc Thành

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND huyện Đông Anh;
- Chi Cục THADShuyện Đông Anh;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGÔ TUYẾT BĂNG